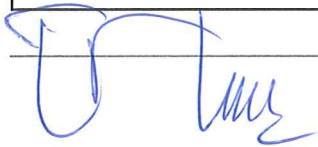


Số CV Đến: 327

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2023

PHIẾU GIẢI QUYẾT VĂN BẢN ĐẾN**Số VB; ngày ký VB; cơ quan ban hành:** ; 27/03/2023 ; Viện Công nghệ Châu Á**Trích yếu nội dung:** Thông tin gói hỗ trợ nghiên cứu của AIT dành cho các học viên tham gia chương trình học bổng theo Đề án 89 của Chính phủ Việt Nam

Nội nhận / Mục đích	Để báo cáo	Để chỉ đạo thực hiện	Để thực hiện	Để phối hợp thực hiện	Để biết	Để soạn CV trả lời, trình BGH ký
T. Phúc		X				
P. SĐH			X			
P.TC-HC				X		
Giáo Khoa, TI Bảo Dưỡng			✓			



P. SĐH và các Khoa thông báo việc này các học viên, giảng viên được biết đúng lúc đúng chỗ.



AIT

ASIAN INSTITUTE OF TECHNOLOGY, VIETNAM

Ha Noi:
3rd Fl., DETECH Tower, 8 Ton That Thuyet St.,
My Dinh 2 W., Nam Tu Liem Dist., Hanoi.
Tel: (+84) 24 2321 7777

Ho Chi Minh:
6th Fl., FCC Building, 45 Dinh Tien Hoang St.,
Ben Nghe W., Dist.1, Ho Chi Minh City.
Tel: (+84) 28 3910 7422

<https://aitcv.ac.vn>

(84) 8 89 89 22 89

contact@aitcv.ac.vn



Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Kính gửi: Trường Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

V/v: Thông tin gói hỗ trợ nghiên cứu của AIT dành cho các học viên tham gia chương trình học bổng theo Đề án 89 của Chính phủ Việt Nam

Viện Công nghệ Châu Á (AIT) là Viện đào tạo sau đại học “liên quốc gia/ liên chính phủ” duy nhất trên thế giới cung cấp các chương trình đào tạo chất lượng hàng đầu tại Châu Á, được thành lập bởi 9 quốc gia từ năm 1959 tại Bangkok, Thái Lan. Các chương trình đào tạo của AIT bao gồm các nhóm ngành như Quản lý, Kỹ thuật và Công nghệ, Tài nguyên, Môi trường và Phát triển bền vững.

Viện Công nghệ Châu Á được biết ngày 13/5/2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam đã có văn bản hướng các cơ sở giáo dục đại học về việc triển khai đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ bằng nguồn ngân sách nhà nước theo Quyết định số 89/QĐ-TTg (Sau đây gọi là Đề án 89) ngày 18/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam. Nhận thấy, các chương trình đào tạo của AIT đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Đề án 89 đó là “Cơ sở đào tạo ở nước ngoài có ngành đào tạo thuộc nhóm 500 ngành hàng đầu tại các bảng xếp hạng theo nhóm ngành và lĩnh vực đào tạo có uy tín trên thế giới”. Vì vậy, AIT rất quan tâm và rất mong được hỗ trợ các học viên của Quý trường khi tham gia Đề án 89 này. Cụ thể, AIT sẽ hỗ trợ cho mỗi học viên của Đề án 89 khi học tiến sĩ tại AIT một khoản kinh phí hỗ trợ nghiên cứu, có giá trị 12,000 USD (Mười hai nghìn đô la Mỹ). Như vậy, ngoài học bổng toàn phần mà mỗi học viên nhận được từ Chính phủ Việt Nam, thì học viên sẽ nhận thêm được một khoản kinh phí để thực hiện các hoạt động nghiên cứu khi học tập tại AIT là 12,000 USD để nâng cao chất lượng cho đề tài nghiên cứu sinh của mình.

Để nhận được thông tin tư vấn chi tiết, vui lòng liên hệ theo số hotline: 0889892289;
Website: <http://aitcv.ac.vn>. Vui lòng xem danh sách các ngành đào tạo (năm trong Top 500 của thế giới, theo xếp hạng của QS Ranking) của AIT gửi kèm văn bản này hoặc tại địa chỉ Website: <https://www.ait.ac.th>.

Kính mong Quý Trường chia sẻ thông tin này đến các đơn vị, cá nhân của Trường để các ứng viên dự tuyển chương trình học bổng tiến sĩ theo Đề án 89 có thêm lựa chọn khi đăng ký hồ sơ dự tuyển.

Chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý Nhà trường!



TS. Phùng Văn Đông
Giám đốc AIT Việt Nam

ASIAN INSTITUTE OF TECHNOLOGY (AIT)
VIỆN CÔNG NGHỆ CHÂU Á (AIT)

AIT's Schools/Các trường trực thuộc AIT:

- School of Management - SOM (Trường Quản Lý)
- School of Engineering and Technology - SET (Trường Kỹ thuật & Công nghệ)
- School of Environment, Resources and Development - SERD (Trường Môi trường, Tài nguyên & Phát triển)

List of Doctoral/Ph.D programs offered by AIT/ Danh sách các chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ do AIT cung cấp:

No (STT)	Program name/area (Tên chương trình đào tạo/ Lĩnh vực)	School Trường
ADMINISTRATION AND MANAGEMENT/ ĐIỀU HÀNH & QUẢN LÝ		
1.	Doctor of Philosophy in Management <i>Tiến sĩ Quản lý</i>	SOM
2.	Doctorate of Business Administration <i>Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh</i>	SOM
CIVIL AND INFRASTRUCTURE ENGINEERING (CIE)/ KỸ THUẬT DÂN DỤNG & HẠ TẦNG		
3.	Construction, Engineering and Infrastructure Management <i>Xây dựng, Kỹ thuật và Quản lý Cơ sở hạ tầng</i>	SET
4.	Geotechnical and Earth Resources Engineering <i>Kỹ thuật Địa kỹ thuật và Tài nguyên Trái đất</i>	SET
5.	Structural Engineering <i>Kỹ thuật kết cấu</i>	SET
6.	Transportation Engineering <i>Kỹ thuật giao thông vận tải</i>	SET
7.	Water Engineering and Management <i>Kỹ thuật và Quản lý nước</i>	SET
INDUSTRIAL SYSTEMS ENGINEERING (ISE)/ KỸ THUẬT HỆ THỐNG CÔNG NGHIỆP		
8.	Bio-Nano Materials Science and Engineering <i>Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu Nano sinh học</i>	SET
9.	Industrial and Manufacturing Engineering <i>Kỹ thuật Công nghiệp và Sản xuất</i>	SET
10.	Microelectronics and Embedded Systems <i>Vi điện tử và hệ thống nhúng</i>	SET
11.	Mechatronics and Machine Intelligence <i>Cơ điện tử và Trí tuệ máy</i>	SET
INFORMATION AND COMMUNICATIONS TECHNOLOGIES (ICT)/ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG		
12.	Computer Science <i>Khoa học máy tính</i>	SET
13.	Information Management <i>Quản lý thông tin</i>	SET

No (STT)	Program name/area (Tên chương trình đào tạo/ Lĩnh vực)	School Trường
14.	Remote Sensing and Geographic Information Systems <i>Hệ thống thông tin địa lý và viễn thám</i>	SET
15.	Telecommunications <i>Viễn thông</i>	SET
16.	Information & Communication Technologies <i>Công nghệ Thông tin & Truyền thông</i>	SET
DEPARTMENT OF FOOD, AGRICULTURE AND BIORESOURCES/ KHOA THỰC PHẨM, NÔNG NGHIỆP VÀ NGUỒN SINH HỌC		
17.	Agribusiness Management (ABM) <i>Quản lý kinh doanh nông nghiệp</i>	SERD
18.	Aquaculture and Aquatic Resources Management (AARM) <i>Quản lý Nuôi trồng và Nguồn lợi Thủy sản</i>	SERD
19.	Food Innovation, Nutrition and Health (FINH) <i>Đổi mới Thực phẩm, Dinh dưỡng và Sức khỏe</i>	SERD
DEPARTMENT OF DEVELOPMENT AND SUSTAINABILITY/ KHOA PHÁT TRIỂN & SỰ BỀN VỮNG		
20.	Development and Sustainability program (DS) <i>Chương trình phát triển và bền vững</i>	SERD
21.	Disaster Preparedness, Mitigation and Management (DPMM) <i>Chuẩn bị, Giảm nhẹ và Quản lý Thiên tai</i>	SERD
22.	Gender and Development Studies (GDS) <i>Nghiên cứu về Giới tính và Phát triển</i>	SERD
23.	Natural Resources Management (NRM) <i>Quản lý tài nguyên thiên nhiên</i>	SERD
24.	Development Planning Management and Innovation (DPMI) <i>Quản lý kế hoạch phát triển và đổi mới</i>	SERD
25.	Urban Innovation and Sustainability (UIS) <i>Đổi mới và Bền vững Đô thị</i>	SERD
26.	Society and Environmental Governance (SEG) <i>Xã hội và Quản trị Môi trường</i>	SERD
DEPARTMENT OF ENERGY, ENVIRONMENT AND CLIMATE CHANGE/ KHOA NĂNG LƯỢNG, MÔI TRƯỜNG & BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU		
27.	Climate Change and Sustainable Development (CCSD) <i>Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững</i>	SERD

For more details/Để biết thêm thông tin chi tiết:

- SOM (Trường Quản Lý): www.som.ait.ac.th
- SET (Trường Kỹ thuật & Công nghệ): set.ait.ac.th
- SERD (Trường Môi trường, Tài nguyên & Phát triển): serd.ait.ac.th